

## Các câu mệnh lệnh tiếng Anh thường dùng

- Don't say it out loud!: Không nói điều đó lớn quá!
- Put it down there: Để nó xuống đây
- It's a long journey, do take care. (showing concern): Đây là một chuyến đi dài, hãy bảo trọng (diễn tả sự quan tâm)
- Don't open that door!: Không được mở cái cửa đó!
- Take care!: Bảo trọng!
- Don't forget to make a wish!: Không quên nói một điều ước!
- Oh do shut up! (Strong order): Ô hãy đóng cửa lại! (Mệnh lệnh mạnh hơn)
- You come here!: Anh kia lại đây!
- Welcome, do sit down (Formal / polite): Chào bạn, hãy ngồi xuống (Trịnh trọng/ lịch sự)
- Be quiet!: Im lặng!
- Don't be silly: Không nên ngớ ngẩn thế
- Don't worry everybody, it's only a drill, not a real fire: Mọi người không lo lắng, đây chỉ là việc thực tập,
- Don't you speak to me like that!: Con không được nói với mẹ như thế!
- Don't forget to make a wish!: Không quên nói một điều ước!
- Peter sit down. Everyone else stay standing: Peter hãy ngồi xuống. Mọi người khác vẫn đứng nguyên
- Always look both ways before you cross the road: Luôn nhìn cả hai phía trước khi con đi qua đường
- Come in: Mời vào
- Don't you leave!: Anh đừng bỏ đi!
- Sit down: Ngồi xuống
- Open your book: Mở sách ra
- Close your book: Đóng sách lại
- Never drive without your seatbelt fastened: Không bao giờ lái xe mà không mang dây an toàn vào
- Raise your hand: Giơ tay lên
- Look at the board: Nhìn lên bảng
- Be quiet: Trật tự
- Put your book away: Cất sách đi
- Take out your book: Lấy sách ra
- Stand up: Đứng lên
- Put your hand down: Bỏ tay xuống
- Listen carefully: Lắng nghe

